

UNIT 8: PLACES
PART A: ASKING THE WAY

I. NEW WORDS

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| 1. way(n) | : đường, lối đi |
| 2. tourist(n) | : khách du lịch |
| 3. souvenir(n) | : vật lưu niệm |
| -> souvenir shop | : quầy bán hàng lưu niệm |
| 4. straight ahead(adv) | : thẳng phía trước |
| 5. opposite(preposition) | : đối diện |
| 6. show(v) | : chỉ, chỉ ra |
| 7. shoe store(n) | : tiệm bán giày, cửa hàng giày |
| 8. coach(n) | : xe đò |
| 9. guess(n) | : sự phỏng đoán |
- > have a guess: đoán, ước chừng

II. REMEMBER

1. Prepositions of position (giới từ chỉ vị trí)

- on: trên, ở trên
ex: My house is on Le Loi Street
- opposite: đối diện, trước mặt
ex: The bookstore is opposite the movie theater
- between...and: ở giữa
ex: My school is between the bookstore and the drugstore
- from...to: từ...đến
ex: It takes twenty minutes from my house to school

2. Asking and answering the way (Hỏi và trả lời về đường)

- a. Hỏi đường: dùng 1 trong những cấu trúc sau:
- Excuse me. Where is + place....., please?
 - Excuse me. Is there a + place near here?
 - Excuse me. Could you tell/ show me the way to + place..., please?
 - Excuse me. Could you tell me how to get/ go to + place/ there, please?
 - Excuse me. How can I go/ get to + place..., please?
- b. Để đáp lại:
- Yes, of course
 - Yes, certainly
 - I'm sorry. I don't know
 - I'm sorry. I'm not sure
- c. Các cụm từ dùng để chỉ đường và giới từ chỉ phương hướng
- First left/ right

- Take the first street on the left/ right: ngã tư đầu tiên rẽ trái/ phải
- Second left/ right
- Take the second street on the left/ right: ngã tư thứ hai rẽ trái/ phải
- Turn left/ right: rẽ trái/ phải
- Go straight ahead: đi thẳng về phía trước
- Go straight ahead until you see... on the left/ right: đi thẳng về phía trước cho đến khi bạn thấy ... ở bên trái/ phải
- Opposite: đối diện
- Next to: kế bên, sát gần bên
- In front of: ở phía trước
- Behind: đằng sau
- Between... and: ở giữa
- On the left/ right: ở bên trái/ phải

III. EXERCISE

EX1: Choose the correct words to fill the blank:

- Excuse me. Is there a post office..... here?
a. near b. on c. in
- you tell me the way to the railway station?
a. Do b. Could c. Are
- the second street on your left. The bank is on your right.
a. Go b. Take c. Run
- The bank is the hotel and the restaurant.
a. opposite b. between c. in front of
- How is it from your house to your school?
a. far b. away c. long
- Excuse me. Is like to send this letter to the USA? How is it?
a. will - money b. would – much c. am - much
- I need envelopes and stamps.
a. some b. any c. a lot
- I need to buy a phone.....
a. call b. card c. stamps
- She needs some stamps to send the letter abroad.
a. local b. special c. overseas
- He phones his parents a week.
a. twice b. two times c. one time

EX2: Fill the gaps with suitable prepositions. One preposition can be used more one time.

on – in – at – between – opposite – next - from - to

- There is a supermarket Nguyen Trai street.
- My house is the book store and my school.
- There is a market front of my house.

4. The bus stop is the right.
5. I will behome all day.
6. The post office is to the movie theater
7. It takes 20 minutes my house school.
8. Minh lives a beautiful house the city.
9. There are 2 pictures the wall.